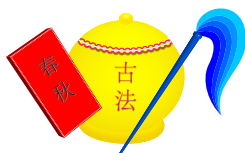


ĐẠI-ĐẠO TAM-KỲ PHỔ-ĐỘ
TÒA THÁNH TÂY NINH



問 答

VẤN-ĐÁP

NỮ PHÔI-SƯ HƯƠNG THANH

HƯƠNG THANH THƯ VIỆN
香 清 書 院



TÀI LIỆU SƯU TẦM 2022
hai•không•hai•hai

Ebook được làm theo tài liệu do HIỂN-HỮU DƯƠNG TAM ANH sưu tầm, copy lại từ bản in năm 1928. Mọi góp ý, đề nghị bổ túc, sửa đổi những sơ sót, có thể có, do sự sao chép và tái trình bày lại, xin vui lòng gửi điện thư vào địa chỉ: tamnguyen351@live.com

Thành thật tri ơn HIỂN-HỮU DƯƠNG TAM ANH đã bỏ nhiều tâm-huyết và công sức trong việc sưu tầm bản photocopy và cho phổ biến trên Website ngõ hầu GIÁO-LÝ ĐẠI-ĐẠO được phổ truyền rộng rãi, ngõ hầu lưu lại di-sản tinh-thần vô-giá cho thế-hệ hiện tại và nhiều thế-hệ tiếp nối mai hậu.

California, 14/06/2022

Tâm Nguyên

Website: tusachCAODAI.wordpress.com

CHINOIS
SIA

期三
度普 道大



瀛泳室聖

THÀNH-THẬT VÙNGLIÊM

答問

VẤN-ĐÁP

院書清香

HƯƠNG-THANH THƯ VIỆN

版出年辰戌

XUẤT BẢN NĂM MẬU-THÌN

1928

DEPT. LEG.
INDOCHINE
MS 877



MỤC LỤC

VẤN ĐÁP 問答

☆ TỰA	7
☆ ĐẠI ĐẠO CĂN NGUYÊN	9
☆ PHỤ BẢN	27



TÒA-THÁNH TÂY-NINH

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

大道三期普度

VẤN ĐÁP

問答

TỰA

NHƠN PHẬN LIỄU BỒ, VĂN CHƯƠNG QUÊ HÈN, TRÍ THỰC SƠ SIẾNG, BỞI CHỪNG PHỤNG-THỪA-THIÊN-MẠNG 奉承天命, Phổ-Độ Đại-Đạo Tam-Kỳ, nên phải ráng lấy tài sơ văn cặng, mà đặt để ít hàng, gọi là Vấn-Đáp Đại-Đạo Căn-Nguyên 問答大道根源, đặng cho chư Đạo-Hữu cùng Thiện-Nam Tín-Nữ, xem qua cho biết sơ lược tôn chỉ Đạo ra sao, gọi là Tập-Hồ-Vi-Dịch¹ 集狐為腋, ngỏ hầu bổ-ích muôn một trong phần Đại-Đạo.

NỮ-PHỐI-SU

Hương-Thanh-Cẩn-Đốn

¹ Tập-Hồ-Vi-Dịch: Nghĩa là góp lông-nách con Hồ, mà dệt nên cái áo (Hồ-cừu) cho ra vẻ quý hồ.

Ưu Đắc

ĐẠI ĐẠO CĂN NGUYÊN

NGƯỜI HOẶC VẤN.— THƯA BÀ PHỐI-SƯ, TRONG LÚC ĐẠI-ĐẠO TAM-KỲ PHỔ-ĐỘ, MỞ RA CHỦ Ý LÀM CHI VẬY.

➤ **BÀ PHỐI-SƯ ĐÁP.**— Trời là một Đấng Thiêng-Liêng Chí-Tôn, tạo hoá nhưn vật đồng thọ khí âm-dương mà Trưởng-thành sanh-hượ¹ 長成生活, duy loài người có tánh linh hơn muôn vật, sánh với trời đất gọi là Tiểu-Thiên-Địa 小天地, đứng vào Tam-tài 三才, song Trời phú cho ai đều có bốn phận nấy, Trời ở trên mà xem xuống, thì loài cầm thú và thảo-mộc giữ đặng tròn bốn phận, ví như cây bông nào tạo-hoá định sắc chi thì y sắc nấy, cây tánh chi cũng y tánh nấy, chớ tạo-hoá không đem đỏ xanh ngọt đắng dâm thắm, mà tự nhiên chẳng sai giờ, không mất tánh chất, còn như loài người thì bị Khí-bẩm sở-câu 氣稟所拘, là tình dục ràng buộc. Vật dục sở tế 物慾所蔽, là Tứ-đổ-tường 四賭牆 ngăn che, sa đắm hai nẻo ấy, hoá ra tâm tánh phàm, bỏ quên nhưn nghĩa, cho nên lạc bước chốn chông-gai, chẳng tầm nơi địa vị nhứt định của mình, nên nay Đức Thượng-Đế vì thương sanh linh phương Nam ta, còn chút ít đạo đức, nên lấy phép vô-vi nhiệm mầu, giáng cơ-bút mà mở dạy

1 Hượ còn gọi là hoạt hay quạt.—TN

sanh-chúng nhà Nam ta, ráng tu Đạo này, đặng gìn lòng sửa tánh, lần tìm ngôi cũ, thoát tục phàm-gian, đặng có mong đời cực lạc, chớ Đạo này có lạ chi đâu.

Vậy nay tôi xin giải ít lời nguyên-huỷ cho các ngài và các tín-đồ nam nữ, rõ biết Địa-vị 地位 làm sao mà mất, làm sao mà còn, tôi xin giải rõ nghĩa Tam-tài 三才, phàm trong tánh chất trời sanh loài người, thưở mới sanh ban đầu thì tánh vốn lành, ai ai cũng vậy, tánh đều giống nhau, tượng là trời đất lấy khí Âm-Dương-ngũ-hành 陰陽五行, mà hoá sanh muôn vật, muôn vật thọ khí âm-dương mà Trưởng-thành 長成, Lý-mạng 理命, Trời đều phú cho hết, ở nơi trời kêu là Lý, phú nơi người gọi rằng Tánh 性, ấy là có trời đất, rồi sau có muôn vật, có muôn vật, rồi sau mới có nam nữ, có nam nữ, rồi sau có chồng vợ, Cô-Âm-tắc-bất-sanh 孤陰則不生, Độc-Dương-tắc-bất-trưởng 獨陽則不長, nghĩa là một mình khí dương, thì chẳng sanh-hoá, một mình khí âm, cũng chẳng tăng thêm, cho nên trời đất sanh dùng khí âm-dương hiệp nhau, trai dùng gái làm vợ, gái dùng trai làm chồng, lấy đạo trời mà nói, thì Âm-Dương-hoà 陰陽和, vậy sau mới mưa nhuần vạn vật, vợ chồng hoà, thì Gia-đạo đặng nên, gốc là Bẩm-thọ-Kiên-đạo-thành-nam, Khôn-đạo-thành-nữ, Kiên 乾 là trời, thuộc Dương, Khôn 坤 là đất, thuộc Âm, trời che nơi trên đất chỗ nơi dưới, gọi là Kiển-kiến-khôn-thuận 乾健坤順, trời lấy khí dương giáng xuống, đất lấy khí âm thăng lên, mới sanh mây mưa mà hoá nuôi muôn vật, ấy là luận đạo trời.

Còn đạo người thì trai gái âm-dương Lưỡng-hiệp,

Phụ-tinh-mẫu-huyết-thành-thai-nguơn, mãng kỳ thai-nguơn, ra khỏi lòng mẹ, hoặc trai hoặc gái, xưng đó là người, trời sở Sanh 生 gọi là người, sở Phú 賦, gọi rằng Tánh 性. Cái Bốn-tánh tốt của mình, trời đã phú cho hồi mới Xuất-mẫu-thai 出母胎, thuở khóc tu-hoa khi ấy cái Tánh 性 gọi là Mạng 命, cho nên trong sách Trung-dung có câu Thiên-mạng-chi-vị-tánh 天命之謂性, Suất tánh chi-vị-đạo 率性之謂道, Tu-đạo-chi-vị-giáo 修道之謂教. (Nghĩa là mạng trời đã phú cho người, mà người Bẩm-thọ gọi rằng tánh, theo tánh trời mà làm là đạo, sửa đạo mà dạy người là giáo).

Mà người cùng vật sanh ra thì đồng đặng Lý-mạng 理命 trời phú 賦 mà lấy làm Tánh 性, đồng thọ hai khí trời đất mà nên Hình 形, Tánh 性 là Lý 理 là Mạng 命, ở nơi trời là Ngươn-hanh-lợi-trinh 元亨利貞, ở nơi người là Nhơn-nghĩa-lễ-trí 仁義禮智, Ngươn-hanh-lợi-trinh, Thiên-đạo-chi-thường, bốn ấy đạo thường của trời. Nhơn-nghĩa-lễ-trí, Nhơn-tánh-chi-cương¹ 人性之綱, bốn ấy diễn mối đạo người, chứa để trong lòng là Tánh 性, phát ra ngoài việc là Tình 情, lấy Lý 理 mà nói gọi là trời, lấy Bẩm Thọ 稟受 mà nói gọi là Tánh 性, còn bền giữ nơi mình là Tâm 心, cái tâm cũng như giống lúa, tánh vì Tâm 心 mà Sanh 生, cũng vì Tâm 心 mà Diệt 滅, cái Tâm 心 ấy là Thần minh 神明 của người, sáng láng không tối, cho nên linh hơn muôn vật, nhóm đủ các lẽ, mà ứng muôn việc, tánh là Lý 理, từ cái lý trời phú ra Hoàn Toàn 完全 cho mình, tự nhiên rất trọn

1 Cương 綱: giềng lưới, phần chủ yếu của sự vật, phép tắc, trật tự.-TN

lành, tròn theo lẽ trời thì không dữ, cái Tâm phát ra, phát lòng thương xót là mỗi Nhơn 仁 dấy ra, phát lòng biết hổ thẹn là mỗi Nghĩa 義 dấy ra, phát lòng cung-kính là mỗi Lễ 禮 dấy ra, phát lòng biết phải quấy là mỗi Trí 智 dấy ra, Nhơn-nghĩa-lễ-trí 仁義禮智 bốn ấy là Tánh 性, thương-xót-hổ-thẹn-cung-kính-biết-phải-quấy bốn ấy là Tình 情, phàm chứa nơi lòng là Tánh 性, phát nơi việc là Tình 情, tình theo việc mà giới, Tánh-tĩnh 性靚 thời Tình-yên 情安, tánh vốn lành người đều vốn có, song Tánh-đạo 性道 tuy đồng, mà Khí-bẩm 氣稟 hoặc khác, vì khí có Thanh trược 清濁, Bẩm-thọ-khí-thanh, thì làm người Hiền 賢, Bẩm-thọ-khí-trược, thì làm người Ngụ 愚, cho nên có cái sai Thái-quá bất-cập 太過不及, người lành dữ bởi đó phân biệt.

✦ NGƯỜI HOẶC VẤN.— Thưa Bà Phối-Sư, như bốn chữ, Nhơn-nghĩa-lễ-trí 仁義禮智, thì bà nói tôi nghe rồi, còn bốn chữ Ngươn-hanh-lợi-trinh 元亨利貞, thì tôi chưa được hiểu, vậy tôi xin bà giải nghĩa bốn chữ ấy cho rành.

➤ **BÀ PHỐI-SƯ ĐÁP.**— Ngươn-giả 元者, Vạn-vật-chi-thủy 萬物之始, Hanh-giả 亨者, Vạn-vật-chi-trưởng 萬物之長, Lợi-giả 利者, Vạn-vật-chi-toại 萬物之遂, Trinh-giả 貞者, Vạn-vật-chi-chánh-nhi-cổ 萬物之正而固, (*bốn ấy thuộc về thể*). Ngươn-giả 元者, Đại-giả¹ 大也, Hanh-giả 亨者, Thông-giả 通也, Lợi-giả 利者, Nghi-giả 宜也, Trinh-giả 貞者, Chánh-nhi-cổ-giả 正而固也, hiệp lại là Đại-thông-nhi-tất-nghi-tại-chánh-cổ 大通而必宜在正固, nghĩa là gồm cả khắp thông mà

¹ 也 còn đọc là dã.-TN

phải hạp nơi cái Chính-đính 正訂, mà bên chắc trong Tâm-chí 心志 mình thể như là Đức Chí-Tôn 德至尊 vậy, (nghĩa dưới đây thuộc về dụng).

✘ NGƯỜI HOẶC VẤN.— Thưa Bà Phối-Sư vậy chớ chữ Đạo 道 là nghĩa làm sao?

➤ **BÀ PHỐI-SƯ ĐÁP.**— Chữ Đạo là đường, sách nho có câu Quân tử-lý-nhơn-do-nghĩa 君子履仁由義, là nói người quân-tử làm cái chi cũng nói theo như nghĩa mà làm, là đường như nghĩa, đường như nghĩa là theo nho, còn Tu 脩, là Tu-tâm-duỡng-tánh 脩心養性, cũng như cái đường đi vậy, người đi đường này, người đi đường kia, có kẻ đi theo sau mà bắc chước, là cái Đạo 道, là đường-đạo đường-đời.

✘ NGƯỜI HOẶC VẤN.— Thưa Bà Phối-Sư, phạm Trời sanh Nhơn-vật 人物 đều phú tánh tốt hết thảy, sao mà không khiến cho người làm lành hết, để chi có người lành kẻ dữ vậy?

➤ **BÀ PHỐI-SƯ ĐÁP.**— Đã biết đồng phú tánh tốt ai ai đều thọ lãnh thừa bé thơ, đến khôn lớn trí thức lần lần mở mang, tình đời đã rõ, hoặc vì Vật-dục 物慾 ngăn che, Thất-tình 七情 thâm nhiễm, hoặc như cái Tham 貪, Sân 嗔, Si 癡, mà mất tâm tánh, hoặc như Tửu-sắc-tài-khí 酒色財氣 mà mất Căn-nguyên 根源, cho nên làm việc quấy không cùng tội, hồi đầu trời phú Tánh như, nghĩa, lễ, trí, 性仁義禮智 khi ấy đã hết rồi, hoặc làm Bất-trung bất-hiếu 不忠不孝, Vô-liêm vô-sĩ 無廉無恥, đâu còn cái lòng Lương-tâm 良心, hưởng chi cái Tâm 心 như gương tỏ một đạn, Bản thể 本體 tự nhiên

sáng chói, mà một mai để cho bụi nhơ ngăn lấp cái sáng chói, mới mất bốn thể cái Tánh-chơn 性眞 của mình, cho nên cái tánh cũng bởi cái Tâm 心 mà Sanh 生, lại cũng bởi cái Tâm 心 mà Diệt 滅, như luận Tu-tâm-dưỡng-tánh 修心養性, ở nơi người ràng cầm xét nét, mà vì Thức-kiến 識見 tối sáng, Học-tập chẳng đồng, cái tánh chất cầm giữ thì còn, buông bỏ chắc mất, nó ra vào không cửa nút định đặng, như người tập việc lành chỗ lo cũng lành, chỗ làm đều lành, tự nhiên ngày đến bực Cao-minh 高明, thì làm người hiền, người trí, người quân-tử; như người tập việc dữ lòng lo dữ, nết làm cũng dữ, tự nhiên ngày trôi nơi chỗ thấp hèn, thì làm người Ngu 愚, kẻ Bất-tiểu 不肖, đũa Tiểu-nhơn 小人, cho nên người Quân-tử 君子 làm lành e sợ ngày giờ chẳng đủ mà không rời việc; kẻ Tiểu-nhơn 小人 làm dữ, cũng quan ngại ngày giờ chẳng đủ mà làm, vì vậy Đức Khổng-tử 孔子 có nói rằng: “Tánh trời Phú 賦 thì đồng nhau, mà chỗ sở Tập 習 khác nhau”, là câu Tánh tương-cận tập tương-viễn 性相近習相遠.

✘ NGƯỜI HOẶC VẤN.— Thưa Bà Phối-Sứ: Như nói trời che nơi trên, đất chở nơi dưới, người ở chính giữa, thì tôi cũng chịu là người đặng bực Tam-tài 三才, còn như nói rằng Tiểu-thiên-địa 小天地, có có chi Đối-chiếu 對照 chớ không thì là tiếm xưng, e lỗi với Bê Trên.

➤ BÀ PHỐI-SỨ ĐÁP.— Vậy thời tôi sẽ giải nghĩa Tam-tài 三才 một lược nữa, và giải Tiểu-thiên-địa 小天地, thuở Kiến-khôn 乾坤 chưa phân, lúc ban sơ trời đất chưa mở, gọi đời Hỗn-độn 混沌, khi ấy không mặt nhật, mặt nguyệt, trời đất gió mây sấm sét núi sông, loài cỏ

cây bò bay máy cựa những đến cá trạnh côn trùng, thủy đều chưa có, ngày đêm chưa rẻ sáng tối, khí Âm-dương 陰陽 không phân, thể trời đất còn chung một khối, mờ mờ tối tối, gọi là Hỗn-độn 混沌, hỗn-độn kêu là Vô-cực 無極, khí vô-cực sanh Thái-cực 太極, mới phân âm dương, Khí ngưng khí Thái cực 氣元氣太極 động 動 là Thuộc-dương 屬陽, Động 動 cùng tột thì Tĩnh 靜, Tĩnh 靜 là Thuộc-âm 屬陰, Tĩnh 靜 cùng tột thì Động 動, Âm-động-sanh-dương 陰動生陽, Dương-tĩnh-sanh-âm 陽靜生陰, trời đất phân mở, ngôi Kiến-khôn 乾坤 mới định, trời mở hội Tý 子, Khí-khinh-thanh 氣輕清 nổi lên làm trời, khí tinh huê 精華 trời động kết làm mặt nhật mặt nguyệt và ngôi sao, đất mở hội Sửu 丑, khí Trọng-trước 重濁 động xuống làm đất, khí tinh-huê đất Phát-sanh 發生 núi sông bờ cõi, còn thanh trước lộn lạo hiệp hoá sanh người, Kiến-đạo-sanh-nam 乾道生男, Khôn-đạo-sanh-nữ 坤道生女, hai khí Giao-cảm 交感, hoá sanh muôn vật, biến hoá không cùng, trời mở hội Tý một muôn tám trăm năm, đất mở hội Sửu một muôn tám trăm năm, người sanh hội Dần một muôn tám trăm năm, Tam-tài định-vị 三才定位, cộng ba muôn hai ngàn bốn trăm năm, đó là Tam-tài 三才... Lập đạo trời thì có Âm-dương 陰陽, lập đạo đất thì Can-nhu 剛柔, lập đạo người thì có Nhơn-nghĩa 仁義, trời che trên, đất chở dưới, người ở chính giữa, Thiên-thị-nhứt-đại-thiên 天是一大天, nghĩa là trời một đấng Chí-Tôn 至尊 trong Tam-thập-lục-thiên 三十六天, Nhơn-thị-nhứt-tiểu-thiên 人是一小地, nghĩa là người sánh trong Tam-thập-lục-thiên, thì đặng bực chót.

Trời có mặt nhật mặt nguyệt, người có con mắt lỗ tai, trời lấy Nhật-nguyệt 日月 làm Âm-dương 陰陽 người lấy Khí-huyết 氣血 là Âm-dương 陰陽, trời có ba trăm sáu mươi lăm độ, và một phần tư độ, người có ba trăm sáu chục lóng xương, trời có tám muôn bốn ngàn ngôi sao, người có tám muôn bốn ngàn chùng lông. Thiên-hữu-tam-bảo 天有三寶, nhật-nguyệt-tinh 日月星.

Nghĩa là trời có ba báu là nhật nguyệt tinh, Địa-hữu-tam-bảo 地有三寶, thủy-hoả-phong 水火風, nghĩa là đất có ba vật báu là thủy-hoả-phong, Nhơn-hữu-tam-bảo-tinh-khí-thần 人有三寶精氣神, nghĩa là người có ba vật báu là tinh khí thần, Thiên-hữu-tam-quang 天有三光, nhật-nguyệt-tinh 日月星. Nghĩa trời có ba vật sáng, là mặt nhật mặt nguyệt ngôi sao, Địa-hữu-tam-hình 地有三形, cao-hạ-bình 高下平. Nghĩa là đất có ba hình; là cao hạ bình. Nhơn-hữu-tam-tôn 人有三尊君師父, quân-sư-phụ. Nghĩa là loài người có ba kẻ Tôn-trưởng 尊長 là vua thầy cha, đó là Tiểu-thiên-địa 小天地.

✘ NGƯỜI HOẶC VẤN.— Thưa Bà Phối-Sư, tôi cũng vâng lời Bà nói Tiểu-Thiên-địa 小天地 đó, còn Tam-bảo 三寶 của người thì gọi là Tinh-khí-thần 精氣神, tinh khí thì có, còn sao gọi là thần? Vậy thần ở đâu?

➤ **BÀ PHỐI-SƯ ĐÁP.**— Tinh, khí khác nhau, tinh khí người thường không kể là Tam-bảo 三寶, kể tinh khí theo mấy đức thánh, là người Tôn-tâm-dưỡng-tánh 存心養性, hoặc Minh-h tâm-kiến-tánh 明心見性, Tu-tâm luyện-tánh 修心練性, vì người Luyện-đạo 練道

kẻ Tham-thiền 參禪, thì tinh khí đầy đủ không Điều-động 搖動, mới có thần 神, kinh Luyện-đạo 練道 có câu rằng: Chí-đạo-chi-tinh 至道之精, Yếu-yếu minh-minh 杳杳冥冥, Chí-đạo-chi-cực 至道之極, Hôn-hôn mặc-mặc 昏昏默默, Tất-tịnh-tất-thanh 必淨必清, Vô-lao nhĩ hình 無勞爾形, Vô-diêu nhĩ-tinh 無搖爾精, Nãi khã-dĩ-trường-sinh 乃可以長生, trong mấy vì đó đặng Trường-sanh 長生, thì Sở-quá-giả-hoá 所過也化. Sở-tồn-giả-thần 所存也神, như Đoạn-chương-thủ-nghĩa 斷章取義, thì gọi Quá-hoá-tồn-thần 過化存神, tức nhiên là Thần.

✘ NGƯỜI HOẶC VẤN.— Thưa Bà Phối-Sư mỗi câu Thánh-danh 聖名, thì trên có hai chữ Nam-mô 南無, tôi nghe người Đạo nói hai chữ ấy là nghĩa Tôn-kính, theo ý tôi cũng tưởng là phải, sao mà năm câu nguyện ở sau kinh Thầy, có người lại đọc hai chữ ấy ở trên, tôi sợ e sai rồi.

➤ **BÀ PHỐI-SƯ ĐÁP.**— Phải phải!! Có một hai người không hiểu nghĩa nên làm kiêu lạ mà sai Tôn-chỉ 宗旨, vậy chớ hai chữ Nam-mô 南無 bên nước Tây-thiên 西天 kêu là Năng-mô 曩謀, đến Đức Tam-tạng 三藏 thỉnh kinh đem về Trung-huê 中華 hồi đời Đường 唐 dịch ra là Nam-mô, 南無 Nam-mô tức thị là Quy-y 皈依, như thích nghĩa cạn, thì chữ Quy-y 皈依 nghĩa là trở về, ý nói trở về Đạo Trời, hay là Đạo-Phật 佛道 Tiên 道, còn như cắt nghĩa cho đủ, thì là vậy, chữ Qui-tức-phản-hườn-chi-nghĩa 皈即反還之義, là Phán-tà-qui-chánh 反邪歸正, Y 依 là Y-bằng-chi-nghĩa 依憑之義, Bằng-tam-bảo-dĩ-xuất-tam-đồ 憑三寶以出三塗, ý nói nương nầu mà tu theo đạo Tam-tôn-giáo

三宗教, đặng cho vượt khỏi ba đường mê, lánh kiếp Luân-hồi 輪迴, tâm về Địa vị 地位, còn như Trời Phật là chứng lòng, như có lòng tưởng, thì có Trời Phật, Phật-tức-tâm 佛即心, Tâm-tức-Phật 心即佛, Trời Phật thần minh đều có ở gần, có câu Cử-đầu-tam-xích-hữu-thần-minh 舉頭三尺有神明, chớ như người gọi chữ nam-mô là nam-vô, ý nói nước Nam ta không có Phật, ấy là người học sai chữ Tử-viết 子曰 thích nghĩa là thấy rằng con rằng vậy.

✘ NGƯỜI HOẶC VẤN.— Thưa Bà Phối-Sư, còn hai chữ Bồ-tát 菩薩 là nghĩa làm sao?

➤ **BÀ PHỐI-SƯ ĐÁP.**— Bồ-giả 菩者, Phổ giã 普也, Tát-giã 薩者, Tế-giã 濟也, Phổ-tế-chi-sanh-linh 普濟之生靈, nghĩa là rộng cứu giúp kẻ sanh linh, lại có câu Phổ-tế-tổng-pháp-tôn 普濟總法宗.

✘ NGƯỜI HOẶC VẤN.— Thưa Bà Phối-Sư, còn như tu lúc Đại-Đạo Tam-Kỳ Phổ-Độ 大道三期普度 này, sao Đức Ngọc-Hoàng-Thượng-Đế 玉皇上帝 lại xưng là Đức Cao-Đài 德高臺, có chủ ý nghĩa chi Huyền-diệu 玄妙 không?

➤ **BÀ PHỐI-SƯ ĐÁP.**— Trong Ngọc-Hoàng-Kinh 玉皇經 xưng Thượng-Đế là chữ Cao-chơn 高真, còn trong sách nho xưng là Mân-thiên 旻天, chữ Mân 旻 cũng nghĩa là Cao 高, Ngươn-khí-quảng-đại-viết-mân-thiên 元氣廣大曰旻天, Cư-cao-lý-hạ-vi-nhơn-trấn-giã 居高理下爲人鎮也, là nghĩa chữ Cao 高, Tự-thượng-giáng-dám-nhơn-chi-linh-đài 自上降監人之靈臺, là chữ Đài 臺, hiệp xưng Thượng-Đế 上帝 chữ Cao-Đài

高臺, cũng như xưng vua là chữ Cửu-trùng 九重, còn chữ Linh-đài 靈臺 là cái Tâm 心 người, trong sách có câu rằng: Nhứt-diểm-linh-đài-đơn-thanh-mạc-trạng 一點靈臺丹青莫狀, ý nói thợ vẽ nào cũng không bộ dạng cái Linh-đài 靈臺 của người, vì chữ Linh 靈 là nghĩa Hư-linh-bất-muội 虛靈不昧, không Hình-tượng 形象.

✘ NGƯỜI HOẶC VẤN.— Thưa Bà Phối-Sư, còn Thiên-địa 天地 là trời đất, sao lại gọi là Kiển-khôn 乾坤?

➤ **BÀ PHỐI-SƯ ĐÁP.**— Chữ nào cũng có nghĩa nấy, lấy cái Hình-tượng 形象 ra mà nói, kêu là Thiên-địa 天地, còn lấy cái Tánh-tình 性情 mà nói, thì gọi là Kiển-khôn 乾坤, còn hai chữ Cao-Đài 高臺 như luận theo Âm-dương bát-quái 陰陽八卦 trong Tiên-thiên 先天, chữ Cao 高 chín nét trừ tám còn một, thì thuộc về quẻ Kiển 乾, Kiển-vi-thiên 乾爲天, chữ Đài 臺 mười bốn nét trừ tám còn sáu, thì thuộc về quẻ Khảm 坎, Khảm-vi-thủy 坎爲水, ứng quẻ Thiên-thủy-tụng 天水訟, chữ Tụng 訟 là nghĩa tranh dành, là vì ngày nay đạo dị-đoan-phong-khởi 異端蜂起, làm Mê-hoặc 迷惑 cho Tâm-tánh 心性 người Nam ta, dành nhau mà lạc bước nơi tranh cỏ, từ đây nhà Nam ta, may gặp đặng Đại-Đạo Tam-Kỳ Phổ-Độ 大道三期普度 nầy, đặng lánh cái tranh cỏ ấy, ứng trong câu Bạc¹-mâu-liên-nhự 拔茅連茹 trong Kinh-diệc 經易, nghĩa là vì Thượng-đế nhỏ trởc hết về tranh vừa cây vừa ngó, ấy là Tôn-chỉ 宗旨 chữ Cao-Đài 高臺, còn như chiết tự ra, chữ Tụng 訟 thì Ngôn 言 bằng chữ Công 公, ý nói vì Thượng-Đế cũng

¹ còn gọi là Bạc 拔: nhổ, rút-TN

Công-đồng 公同 soi cái Linh-đài 靈臺 người... còn luận theo Hậu-thiên 後天 thì chữ Cao trừ tám còn một, thuộc quẻ Khảm, Khảm vi thủy, chữ Đài trừ tám còn sáu, thuộc quẻ Kiển, Kiển vi thiên, ứng quẻ Thủy-thiên-nhu 水天需, Thiên-nhút-sanh-thủy 天一生水, Thủy-năng-sanh-vạn-vật 水能生萬物, còn chữ nhu là chữ Vô 雨 trên chữ Nhi 而 dưới, lời ngự chế của vua Trần-Kiến 陳? ngày trước có câu rằng: Sử-thiên-nhi-võ-chu 使天而雨珠, Hàn-giả-bất-dĩ-vi-nhu 寒者不可以爲柔, nghĩa nói đương tiết đông thiên lạnh lẽo, dầu trời mưa hột châu xuống, thì kẻ lạnh cũng không dùng đặng, lại có câu rằng: Sử-thiên-nhi-võ-ngọc 使天而雨玉, Cơ-giả-bất-khả-dĩ-vi-túc 饑者不可以爲粟, nghĩa là nói năm mất mùa kẻ đương nhịn đói, dầu trời mưa ngọc, cũng không dùng đặng, vì đói lạnh gấp, hai vật gầy dùng sao kịp, còn ngày nay cũng chẳng trông gì mưa hai vật ấy, là quyết trông Ngài mưa cái Huyền-diệu 玄妙 xuống mà mở Đại-Đạo Tam-Kỳ Phổ-Độ 大道三期普度, Đạo này là Phổ-thông 普通 cho người lành kẻ dữ đều Tu-tâm-dưỡng-tánh 脩心養性 mà ăn năn chừa lỗi, lại hoá đặng kẻ dữ theo lành, cũng như nước sanh muôn vật mà hoá muôn vật, mà tánh nước thì Năng-phương-năng-viên-huỷ-khúc-tuỳ-hình 能方能員委曲隨形, cũng là tôn chỉ hai chữ ấy, mà nghĩa câu Tiên-thiên hậu-thiên-tịnh-dục-đại-tử-phụ 先天後天, 並育大慈父 càng rõ nữa.

✘ NGƯỜI HOẶC VẤN.— Thưa Bà Phối-Sư, còn như trên trời thì ngó thấy thường ước chừng năm sắc mây thì là năm lớp mây, sao gọi là Cửu-tiên 九霄 đến chín lớp vậy?

➤ **BÀ PHỐI-SƯ ĐÁP.**— Cửu-tiêu 九霄 có đủ, Thần-tiêu 神霄, Thanh-tiêu 青霄, Bích-tiêu 碧霄, Đơn-tiêu 丹霄, Kiểng-tiêu 景霄, Ngọc-tiêu 玉霄, Chân-tiêu 振霄, Tử-tiêu 紫霄, Thái-tiêu 太霄, ấy là cửu tiêu đó.

✘ NGƯỜI HOẶC VẤN.— Thưa Bà Phối-Sư, còn sao gọi là Cửu-thiên 九天?

➤ **BÀ PHỐI-SƯ ĐÁP.**— Cửu-thiên là Trung-thiên 中天, Triện-thiên 篆天, Tùng-thiên 從天, Hạo-thiên 昊天, Thương-thiên 蒼天, Quách-thiên 廓天, Hàm-thiên 咸天, Thượng-thiên 上天, Thành-thiên 成天.

✘ NGƯỜI HOẶC VẤN.— Thưa Bà Phối-Sư, Tam-thập-lục-thiên 三十六天 có kể Cửu-thiên 九天 đó không?

➤ **BÀ PHỐI-SƯ ĐÁP.**— Không, trong Tam-thập-lục-thiên 三十六天 là ba mươi sáu cõi trời, phía Đông 東 tám vị trí tám cõi phía đông, Tây Nam Bắc 西南北 cũng đều tám vị vậy, hô câu Tứ bát tam thập nhị 四八三十二 là 32 còn ở Trung-ương 中央 một đức Thiện-kiến-thiên 善見天 là Ngọc-hoàng-chúa cả, còn ba cõi nữa là Dục-giái 慾界, Sắc-giái 色界, Vô-sắc-giái 無色界, như kể từ tên thì nhiều lắm, chớ không phải ba mươi sáu mà thôi.

✘ NGƯỜI HOẶC VẤN.— Thưa Bà Phối-Sư, còn như Tứ-đại-bộ-châu 四大部洲 có chung nhập trong mấy cõi đó không?

➤ **BÀ PHỐI-SƯ ĐÁP.**— Không.

✘ NGƯỜI HOẶC VẤN.— Thưa Bà Phối-Sư, vậy chớ bà nói không nhập, thì bốn châu ấy riêng hay sao?

➤ **BÀ PHỐI-SƯ ĐÁP.**— Lời ngàn ngữ có nói rằng: Kiên-khôn-như-kê-năng 乾坤如鷄卵, là nói hình tượng trời đất như cái trứng gà, Thiên-như-kê-tử-bạch 天如鷄子白, Địa-như-kê-tử-huỳnh 地如鷄子黃, là nói trời như tròng trắng trứng gà ở ngoài, đất như tròng vàng trứng gà ở trong, cho nên sắc thể thuộc sắc huỳnh, trời đất đều ở giữa chùng nước, trên mặt nước tuần thứ nhứt là Phong-luân 風輪, tuần thứ nhì là Thủy-luân 水輪 (nước), trên Thủy-luân 水輪 tuần thứ ba là Kim-luân 金輪, (thuộc hành kim) trên tuần Kim-luân 金輪 là tuần Địa-luân 地輪, trên Địa-luân 地輪, chính giữa là núi Tu-gi-sơn 須彌山, khỏi mấy vòng ngoài núi Tu-gi 須彌 là biển cả, giữa biển cả có Tứ-đại-bộ-châu 四大部洲 ở bốn phía, núi Tu-gi 須彌 ở giữa, ấy là một trái Kiển-khôn-thiên-địa 乾坤天地, phía đông núi Tu-gi 須彌 một nước lớn tên là Phất-ư đải 弗於逮, sau xưng là Đông-thắng-thần-châu 東勝神洲, ngôi đất phía đông hẹp, phía tây rộng, hình như nửa mặt nguyệt, phía nam núi Tu-gi một nước lớn xưng là Diêm-phù-đề 閻浮提, Ba-la-nại 波羅奈, sau xưng là Nam-thiệm-bộ-châu 南瞻部洲, ngôi đất phía nam hẹp, phía bắc rộng, phía bắc núi Tu-gi một nước lớn kêu là Huất-đơn-việt 鬱單越, sau xưng là Bắc-cu-lưu-châu 北俱盧洲, ngôi đất vuông chính, phía tây núi Tu-gi một nước lớn kêu là Cu-gia-ni 俱耶尼, sau xưng là Tây-ngưu hạ-châu 西牛賀洲, ngôi đất mặt nguyệt tròn, ấy là tứ-đại-bộ-châu.

✘ **NGƯỜI HOẶC VẤN.**— Thưa Bà Phối-Sư, còn như nói Vô-cực sanh Thái-cực 無極生太極, Thái-cực sanh Lưỡng-nghi 太極生兩儀 là Khí Hư-vô sanh 虛無生

Hư-vô 虛無 là phải, sao mà nói Lưỡng-nghi sinh Tứ-tượng 兩儀生四象, có người gọi Tứ-tượng 四象 là đông, tây, nam, bắc, 東西南北 bốn ấy có định tại, ý như có hình tượng, tôi sợ e lời ấy là lầm.

➤ **BÀ PHỐI-SƯ ĐÁP.**— Phải, Vô-cực sinh Thái-cực 無極生太極, Thái-cực sinh Lưỡng-nghi 太極生兩儀 đều là Hư-vô 虛無, còn Lưỡng-nghi sinh Tứ-tượng 兩儀生四象, không phải là đông, tây, nam, bắc đâu, 東西南北 Lưỡng-nghi 兩儀 là Âm-dương 陰陽, Lưỡng-nghi sinh Tứ-tượng 兩儀生四象, là Thái-dương 太陽, Thái-âm 太陰, Thiếu-dương 少陽, Thiếu-âm 少陰, Thái-dương sinh Thiếu-âm 太陽生少陰, Thái-âm sinh Thiếu-dương 太陰生少陽, là Dương sinh Âm 陽生陰, Âm sinh Dương 陰生陽, phải là Hạo-nhiên sinh Hư-vô 浩然生虛無 đó.

✘ NGƯỜI HOẶC VẤN.— Thưa Bà Phối-Sư, Bà nói mấy lời thì tôi nghe cũng có lý, vậy thì bây giờ lấy việc chi mà làm đầu cho có Nhơn-nghĩa 仁義 theo đường đời, sau mới vào đường Đạo 道.

➤ **BÀ PHỐI-SƯ ĐÁP.**— Đường đời lấy Hiếu-dưỡng-phụ-mẫu 孝養父母 làm trước, sách Luận-ngữ Đức Khổng-thánh 論語德孔 có nói rằng: Hiếu-để-giã-dã-kỳ-vi-nhơn-chi-bổn-dữ 孝悌也者其爲仁之本與, cho nên làm nhơn thì cái hiếu là đầu hơn hết trong trăm việc, vì vậy có một người tín đồ, tiếp theo sau 25 vị hiếu tử, đặng cho người người coi đó mà chỉ cho kẻ muốn vào đạo Tam-giáo 三教, trước lấy đó làm nêu mục trong đường đời.

✘ NGƯỜI HOẶC VẤN.— Thưa Bà Phối-Sư, còn như theo kinh nầy sách kia thì tôi hiểu, sao lại kêu là chú, là nghĩa làm sao tôi không hiểu?

➤ **BÀ PHỐI-SƯ ĐÁP.**— Chữ Chú 咒 bên Tây-thiên 西天 gọi rằng: Đà-la-ni 陀羅尼, Trung-huê và An-nam ta dịch ra là chữ Tổng-trì 總持, Tổng-nhứt-thế-pháp tri-vô-lượng-nghĩa 總一切法, nghĩa là gồm tóm phép tắc rộng thính, cầm giữ nghĩa lý u thâm huyền diệu 幽深玄妙, ấy à nghĩa chữ chú.

✘ NGƯỜI HOẶC VẤN.— Thưa Bà Phối-Sư, vậy chớ tôi nghe việc Cầu-Cơ linh-hiển lắm, có ông nói vị Tiên nào xuống cơ cho việc chi, thì có câu thi nói công việc thịnh suy bĩ thối 盛衰否泰 đĩnh hư tiêu trưởng 盈虛消長 trong mấy câu thi đó, và lại xưng tên chiết tự ở trong, vậy bà có hiểu bài nào, xin bà cắt nghĩa cho tôi nghe, đừng rõ mùi Huyền diệu trong Đạo.

➤ **BÀ PHỐI-SƯ ĐÁP.**— Thôi để tôi nói ít bài thơ Tiên cho ở bên Châu-đốc ngày xưa cho ngài nghe, có một người cầu Tiên mà hỏi chứng bệnh của thân-phụ, Tiên Ông cho bài tứ-tuyệt như vậy:

Chơn ngôn bất lậu thiểu nhơn tri,

真言不漏少人知

Mạc đạo cao đê sự sự khuy,

莫道高低事事虧

Chỉ khùng phàm tâm đồ dụng lực,

只恐凡心徒用力

Xuân duyên nhứt khúc tảo qui kỳ,

春緣一曲早歸期

Nghĩa là vì Tiên cho lời chơn chánh, mà ít người hiểu, là Tiên-cơ bất-lậu, cho bài này là dạy người đừng bàn cao luận thấp, vì lo việc chi cũng không tròn đặng, ngại sợ lòng phàm-tục có việc thì đầu chùn há miệng, dùng sức luống công, vì căn bệnh này, bước đầu mùa Xuân liền cỡi hạc, bốn câu thi Tiên ông cho nói bệnh không lành, mà lại xưng tên trong bốn câu ấy mà chiết tự ra, câu đầu bốn chữ chơn-ngôn bất-lậu, chiết ra chữ trực, ba chữ thiếu-nhơn-tri, là đem chữ nhơn, nhơn đứng lại một bên chữ trực thành chữ trị 值, câu thứ nhì Mặc-đạo-cao-đê-sự-sự-khuy, chiết ra chữ nhật 日, câu thứ ba, Chỉ-khũng-phàm-tâm-đồ-dụng-lực, là chiết chữ phàm chữ tâm trong chữ khũng ra, rồi đem chữ cực vô là chữ công 功, câu thứ tư, Xuân-duyên-nhút-khúc-tảo-qui-kỳ, là hiệp chữ nhút chữ khúc lại, rồi chiết chữ tảo lấy chữ nhật trên hiệp lại với chữ nhút chữ khúc, là chữ tào 曹, ấy là ông Trị-nhật-công-tào 值日功曹.

Còn một ông cho bài như vậy:

Triều khai nguyệt xuất ngoại tây biên,

朝開月出外西邊

Tuyết ám sương xâm võ phi thiên,

雪暗霜侵雨飛天

Liễu dục nhất hoành gia chỉ thị,

了欲一橫皆只是

Khuyến quân thủ phận thức tiền niên.

勸君守分識前年

Bài này cũng nói bệnh không lành, câu thứ nhứt, triều khai nguyệt xuất, là chữ triều bỏ chữ nguyệt ra,

ngoại tây biên, là chiết lấy chữ bốc bên hữu chữ ngoại đó, hiệp lại với nữa chữ triều kia là chữ hàn 韓, câu thứ nhì, tuyết ám sương xâm võ phi thiên, là chữ tương 相, câu thứ ba, liễu đục nhứt hoành là chữ tử 子, ba chữ ấy hiệp lại là chữ Hàn-tương-tử 韓相子, Tiên ông ấy cho.

Còn chữ đạo hữu ở Tân-an có Cầu-Cơ mà cầu Đúc Chí-Tôn, đặng hỏi việc từ đây trở lại sau là làm sao, Đúc Chí-Tôn có cho bốn câu như vậy:

Nhật nhật liên sơn hữu nhật bình,

日日連山有日平,

Tam giang khải địa nhị giang kinh,

三江啓地二江京.

Tứ châu tại lạc kê châu khốn,

四洲在樂鷄洲困,

Ngũ hải hườn chung thổ bãi minh.

五海還鐘兔海明.

Thích nghĩa ra là Đúc Chí-Tôn quở dạy các con biểu đừng nóng-nảy mà trông, lo dần lòng sửa tánh, cũng như kẻ có bệnh nóng, thì dùng thuốc mát mẽ, vậy tôi giải sơ việc cơ-bút đó, xin các ngài ráng kiếm mà hiểu.

CHUNG

PHỤ BẢN

LUÔN DIỆP ĐÂY, TÔI XIN KẾ TIẾP MẤY BÀI THÁNH-NGÔN, CỦA ĐỨC TỪ-BI, CHÍ-TÔN, NGỌC-HOÀNG-THƯỢNG-ĐẾ tá danh CAO-ĐÀI-TIÊN-ÔNG Đại-Bồ-Tác-Ma-Ha-Tác Giáo-Đạo-Nam-Phương, giảng cơ sắc dụ cho tôi biết tôn-chỉ mà lo nền Đại-Đạo.

▶ Đêm 15 tháng 5 Bính-Dần niên.

Giảng cơ tại Đại-Đàn ông Thượng-Trung-Nhật.

CAO-ĐÀI-HUYỀN-KHUNG-CAO-THƯỢNG-ĐẾ
Giáo-Đạo-Nam-Phương

Mừng Con! Nghe Dạy,

*Một kiếp vinh ba một kiếp tu,
Tử sanh vinh hiển bởi công phu.
Ớn dầy phải lắm cơn từ thiện,
Nghĩa trọng ráng lo mối thừa thù.
An tịnh nhờ lòng đạo đức,
Buồn vui chi để một lòng nhu.
Gia đình đã mãng thân như nguyện,
Lập tượng Quan-Âm trả nghĩa phu?*

▶ Đêm mừng 4 tháng 6 Bính-Dần niên,

Đức Chí-Tôn sắc dụ thêm một bài bài cú nữa.

Gặp Xuân hoa trở sắc tươi cười,
Tuổi đã cao rồi tính mấy mươi.
Tu niệm lòng thành con gắng vó,
Thương yêu lòng Lão để dành nơi.
Mưa hè trắng trọc đừng ham thế,
Tuyết Ngọc tuông đưa bước đến Trời.
May mắn thân thời may mắn kiếp,
Đem thân của phạm ráng đưa bơi.

▶ Đêm mừng 6 tháng 7 năm Bính-Dần

NGỌC-HOÀNG-THƯỢNG-ĐẾ
viết Cao-Đài Giáo-Đạo Nam Phương

Hỷ chư môn-đệ, chư cao đẳng nhưn sanh, chư môn-đệ đứng bài ban. Lâm ái-nữ khá nghe lời dạy con ôi:

Thế sự như đêm tăm tối,
Đạo như giữa lối gặp đèn,
Biết bao Thánh đức tâm hèn,
Trời đà buộc lắm phen cứu độ.
Bình lời hiếm kẻ vô biển khổ,
Mắt phải vòng ám mộ lợi danh,
Bỏ trần gian nhiều kẻ chẳng đành,
Ham phú quý công danh đành phải đoạ.
Tội trần kiếp tội dư đã quá,
Phận công phu nhưn quả đã chia rồi,
Mượn Bồ-Đề khuấy khoá thế mà thôi.
Chẳng phải kệ với kinh năng đức Phật,
Âm chất vốn là điều thứ nhứt,

Âm-chất nhiều mới dứt côi trần luân,
 Phận liễu mai phải mang kiếp hồng trần,
 Thấy lắm lúc bân khuân thương trẻ dại.
 Ngồi vắng vẻ càng xem thêm luyện ái,
 Muốn toan đem trẻ dạy đến đường tu,
 Cảm thương con cũng lắm công phu,
 Thầy phải liệu vận trù chước thế,
 Đường Tây-vực từ khi bị bế,
 Tiếng Phật-Tông đổi lệ thay thoàn,
 Giữa trần ai có mắt khôn toan,
 Phòng hiểu thấu mới mang chơn giả.
 Thầy không định vì lòng tự quá,
 Mới khởi đem chánh quả một đường,
 Tam-kỳ mong độ chúng tai ương,
 Lại quyết mở Tây-Phương khai Đại-Đạo.
 Con vốn thiệt là tay chơn Lão,
 Phái nữ nhi bọc bảo giúp công Thầy,
 Cùng Tỷ-Nương Đường Thị con đây,
 Lo phương thế đỡ vai trong mối Đạo.
 Đừng tưởng Lão chẳng vì lòng thảo,
 Cây con rồi trở trác chối công đầu.

Cười...!

Khó việc chi cũng tại buổi đầu,
 Con ra sức mới thâm toàn nữ phái.
 Cục thân ấy trẻ đừng ái ngại,
 Muôn việc con Thầy lại sót chia.

Chẳng phải cần đá tạc danh bia,
Tên tuổi trẻ nước kia còn khép mặt.
Lợi danh khá để lòng sắp đặt,
Trên thuận hoà dưới ắt tùy tùng.
Môn-đệ Thầy để dạ lo chung,
Thương nghèo khó lao lung con giúp đỡ,
Trong Môn-đệ nhiều tay quá dỡ,
Tiền bạc nghèo Thầy khó đỡ đàng nào.
Khuyên con nhìn biết Lão biết đau,
Tình đồng Đạo yêu nhau bằng ruột thịt.
Tập hoà hườn tánh không xích mích,
Tự nhiên dầu có nghịch cũng đâu,
Con là đậu mà Lão lại đậu.
Quyền thế lớn ai thân con ái ngại,
Thương điều dắt lấy đoàn em đại,
Đạo đức ngoan phải trái con thấy rồi.
Niệm Nam-mô hai chữ này thôi thôi,
Lo cứu thế mới rồi lẽ chánh.
Tưởng hai trẻ chẳng lòng sanh nạnh,
Gần chung lo cho mạnh Đạo nhà mình,
Lòng hiếu con thấu động Thiên-Đình,
Mẹ trẻ đó Thầy quyết tình cứu độ.
Con khá dắt em con đi một ngõ,
Biểu nó rằng phải bỏ dối mà theo chơn.
Vậy con tua liệu thiệt lo hơn,
Thấy trước mắt chớ sờn thân nhọc.

Nghe à! Cười...!

Lâm-thị ái-nữ hiểu con há:

Một ngôi con Thầy sấm sẩn;

Gia tài con Thầy gìn giữ để trọn quyền con làm thế nào của phù du ấy ra ơn âm chất đặng thì con làm.

► Đêm 11 tháng 8 năm Bính-Dần.

Phật Quang-Âm Như-Lai giảng cho tôi một bài bát cú.

QUANG-ÂM NHƯ-LAI

Hỉ chư Đạo-Hữu, Lâm thị tiểu muội, em nghe chị phân:

*Long-Nữ em ôi bị khoá trần,
 Có thân em hiểu thâm cho thân.
 Sen Nam-Hải ủ buồn khi biệt,
 Trước Bắc-Dào-Xào nhớ lúc phân,
 Luy Chị không nguì lòng ái thế,
 Than-thà khó giải dạ yêu nhân.
 Công trình phổ độ ra tình nguyện,
 Nên mới lạc lằm chốn khổ-tân.*

Em nghe hiểu chẳng?

VẤN ĐÁP
ĐẠI ĐẠO CĂN NGUYÊN
NỮ PHỐI-SƯ HƯƠNG THANH